TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 02-6-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh V;

2. Ông Nguyễn Xuân T.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn C – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân A – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST– HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 2002.

Địa chỉ: số nhà 349 H, tổ dân phố Y, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Phan Thanh T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N tại bản tự khai thì:

Về quan hệ hôn nhân: ngày 08/10/2020, chị và anh Phan Thanh T tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/8/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với nhau tại tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Khi chị mang thai không đi làm được, anh T cũng không có công ăn việc làm; thời gian sau, anh T đi làm được mấy tháng thì bị nợ số tiền là 80.000.000đ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ngày 17/10/2020, khi chị đi làm về, anh T đã có lời lẽ xúc phạm chị và

gia đình chị nên vợ chồng xảy ra xô xát nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hàn gắn nên cuộc sống vợ chồng cũng đã trở lại bình thường. Đến tháng 02/2023, chị và anh T tiếp tục mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, anh T vẫn không chịu khó lao động. Mâu thuẫn đỉnh điểm là ngày 20/02/2023, sau khi anh T đi nhậu về say sỉn, vì ghen tuông vô cớ đã gây chuyện, khóa trái cửa đánh đập chị. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung tên là Phan Nhật H, sinh ngày 24/3/2021. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Phan Thanh T trình bày tại bản tự khai thì: anh xây dựng gia đình với chị Lê Thị Hồng N năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/8/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống tại tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên có xảy ra xô xát nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung tên là Phan Nhật H, sinh ngày 24/3/2021. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, xử cho N được ly hôn với anh T. Về con chung, đề nghị giao con

chung tên là Phan Nhật H, sinh ngày 24/3/2021 cho chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự xác định không có nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị Hồng N và anh Phan Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Hồng N và anh Phan Thanh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/8/2020 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị N và anh T xây dựng gia đình với nhau từ năm 2020, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay cả chị N và anh T đều thống nhất ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: chị N và anh T xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Phan Nhật H, sinh ngày 24/3/2021. Khi ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy, từ khi chị N và anh T sống ly thân nhau đến nay, con chung là Phan Nhật H vẫn sống cùng với chị N, được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Chị N cũng có nguồn thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý cho trẻ, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao con chung tên là Phan Nhật H, sinh ngày 24/3/2021 cho chị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng. Nhận thấy, mặc dù chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập, khả năng thực tế của anh T. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng chị N yêu cầu là phù hợp với chi phí thực tế cho nhu cầu thiết yếu của trẻ nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Buộc anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng N, xử cho chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Phan Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Phan Nhật H, sinh ngày 24/3/2021 cho chị Lê Thị Hồng N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng *(một triệu năm trăm ngàn đồng trên một tháng)* cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012487 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Lê Thị Hồng N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Phan Thanh T phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị H